



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL #: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN VĂN THÔI
(Ten Tu Nhan) Last (Ho) Middle First (Ten)

Current Address: 58/B Huỳnh Tinh Cua Rach giã Việt Nam

Date of Birth: 03. 18. 1950 Place of Birth: Rach giã Việt Nam

Thang - Ngay - Nam
Previous Occupation (before 1975) first lieutenant - Căn Thơ center
(Rank & Position) (phòng 7 Tổng Tham Mưu)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 07.05.1975 To 01.09.1980
(Thang - Ngay - Nam) Years: 5 Months: 4 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
(Neu co) Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN VĂN THÔI
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. TRẦN THỊ HUYỀN	1948	spouse
2. NGUYỄN NGỌC LÂM	1982	children
3. NGUYỄN TRƯỜNG HÂN	1984	"

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#:

VEWL.#:

I-171#:

EXIT VISA#:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM
(Ten Tu Nhan) NGUYỄN VĂN THÔI
Last (Ho) Middle First (Ten)

Current Address: 58/B Huỳnh Tịnh Của. Rach Gia - Viet Nam

Date of Birth: 03 - 18 - 1950 Place of Birth: Rach Gia - Viet Nam

Previous Occupation (before 1975) first lieutenant. Can Tho Center
(Rank & Position) (phong 7 Tổng Tham Mưu)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP
(Thang - Ngay - Nam) Dates: From 07. 05. 1975 To 01. 09. 1980
Years: 5 Months: 4 Days:

3. SPONSOR'S NAME:
(Neu co) _____ Name _____
Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN VĂN THÔI
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
1. TRẦN THỊ HUY	1948	spouse
2. NGUYỄN NGOC LAM	1982	children
3. NGUYỄN TRƯỜNG HÂN	1984	"

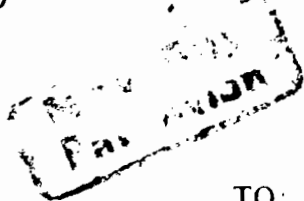
DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

FROM: Nguyễn Văn Thôi
58/B Huỳnh Tấn Của
Rạch Giá, Việt Nam



MAR 2 1 1990



TO: KHUC MINH THO
P.O BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635
· U.S.A

PAR AVION VIA AIR MAIL

BỘ NỘI VỤ
CÔNG AN TỈNH KG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 59 /

KG, ngày 21 tháng 12 năm 1989

●

GIẤY BẢO TIN

Lần thứ 1

Kính gửi Ông, Bà Nguyễn Văn Thìn
Hiện ở 53⁹ Huyện Trù Qua
Vườn Thanh Văn, Rạch Giá

Qua nghiên cứu hồ sơ xin xuất cảnh đi nước
Mỹ (thứ (cải tạo))

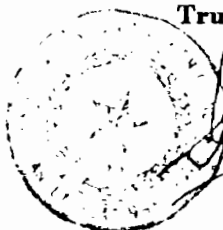
của gia đình, chúng tôi xét thấy Đã Chuẩn
Hồ Sơ Về Bề nổi Vụ Hà Nội

ngày 20 / 12 / 1989 Số công
văn 52 ngày 30 / 12 / 89

Xin báo gia đình Ông, Bà rõ.

Phòng QL.XNC

Trưởng phòng



Nguyễn Văn Thìn

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
Câu hỏi cho người nộp đơn

ODP T :

Date : Oct. 31, 89
Ngày

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to

Gửi Bảng câu hỏi này về :

Xin điền vào Bảng câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng đầy đủ càng tốt. Nếu Bạn không đọc hoặc viết rành Anh ngữ được thì điền bằng tiếng Việt.

A. BASIC IDENTIFICATION DATA/Lý lịch căn bản.

1. Name : NGUYỄN VĂN THÔI Sex : Male
Họ, Tên Phái
2. Other Names : Any
Họ, tên khác
3. Date/Place of Birth : 18.03.1950
Ngày/Nơi sinh Rạch Giá, Kiên Giang VIET NAM
4. Residence Address : 58/B Huỳnh Tịnh Của St. Rạch Giá City
Địa chỉ thường trú Kiên Giang VIET NAM
5. Mailing Address : Same as above
Địa chỉ thư từ
6. Current Occupation : Selling refreshment from soybean
Nghề nghiệp hiện nay

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME/Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE : Your Spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ Ý : Chỉ có vợ chồng và con cái chưa lập gia đình mới có thể cùng đi với Bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name	Date/Place of birth	Sex	MS	Relationship
1. TRẦN THỊ HUỆ	1948 Rạch Giá KG.	Female	Married	Wife
2. NGUYỄN NGỌC LAM	1982 Rạch Giá KG.	Female	Single	Daughter
3. NGUYỄN TRƯỜNG HÂN	1984 Rạch Giá KG.	Male	Single	Son

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced, spouse's death certificate (if widowed), identification card (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I)

(CHÚ Ý : Cho mỗi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giấy thú (nếu đã lập gia đình), giấy ly hôn (nếu đã ly dị) giấy khai tử của vợ/chồng (nếu là góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với Bạn hiện nay không chung ngụ với Bạn, xin viết địa chỉ của họ trong Phần I).

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM/ Họ hàng ở ngoài quốc.

- | | OF MYSELF
của tôi | : | OF MY SPOUSE
của vợ/chồng |
|--|----------------------|---|------------------------------|
| 1. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ | | : | |
| a. Name
Họ, tên | : | : | |
| b. Relationship
Liên hệ gia đình | : | : | |
| c. Address
Địa chỉ | : | : | |
| d. Date of Relative's Arrival
in the U.S.
Ngày Bà con đến Hoa Kỳ | : | : | |
| 2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác | | : | |
| a. Name
Họ, Tên | : | : | |
| b. Relationship
Liên hệ gia đình | : | : | |
| c. Address
Địa chỉ | : | : | |

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead)
Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

- | | | |
|--|---|--|
| 1. Father
Cha | : | NGUYỄN VĂN SÁU (Dead) |
| 2. Mother
Mẹ | : | TRẦN THỊ BỐI 58/B Huỳnh Tịnh Của, Rạch
Giá, Kiên Giang VIET NAM |
| 3. Spouse
Vợ/Chồng | : | TRẦN THỊ HUỆ 45/550 Mạc Cửu, Rạch Giá,
Kiên Giang, VIET NAM |
| 4. Former Spouse (if any)
Vợ/chồng trước (nếu có) | : | Any |
| 5. Children
Con cái | : | (1) NGUYỄN NGỌC LAM 45/550 Mạc Cửu, Rạch
Giá, Kiên Giang.
(2) NGUYỄN TRƯỜNG HÂN, Same as above |
| 6. Siblings
Anh chị em | : | (1) NGUYỄN VĂN BÉ, An Biên District, Rạch
Giá, Kiên Giang
(2) TRẦN THỊ BÉ NAM 58/B Huỳnh Tịnh Của,
Rạch Giá, Kiên Giang |

E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATIONS
OF YOU OR YOUR SPOUSE/ Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc công sở của
Chính Phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ.

1. Employee Name :
 Tên họ nhân viên
 Position Title :
 Chức vụ
 Agency/Company/Office :
 Sở/Hãng/Văn phòng
 Length of employment : From : To :
 Thời gian làm việc : Từ : Đến :
 Name of American Supervisor :
 Họ Tên Giám thị Mỹ
 Reason for Separation :
 Lý do nghỉ việc
2. Employee Name :
 Họ, Tên nhân viên
 ...
 Reason for Separation :
 Lý do nghỉ việc
3. Employee Name :
 Họ, Tên nhân viên
 Position Title :
 Chức vụ
 Agency/Company/Office :
 Sở/Hãng/Văn phòng
 Length of Employment : From : To :
 Thời gian làm việc : Từ : Đến :
 Name of American Supervisor :
 Tên, Họ Giám thị Mỹ
 Reason for Separation :
 Lý do nghỉ việc

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn hoặc vợ/chồng đã cộng tác với Chính phủ Việt Nam.

1. Name of Person Serving : NGUYỄN VĂN THỜI
 Họ, tên người tham gia
2. Dates : From : 10th February 1971 To : 30th April 1975
 Ngày, tháng, năm Từ : đến
3. Last Rank : First Lieutenant Mil. Serial No. 70/147834
 Cấp bậc cuối cùng Số quân
4. Ministry/Office/Military Unit : Cần Thơ Center (Trung Tâm Cần
 Bộ/Sở/Đơn vị binh chủng Thơ, Phòng 7 Bộ Tổng Tham Mưu)
 KEC 7822
5. Name of Supervisor/C.O. : Major TÔ THÀNH KIỂM
 Họ tên người giám thị/
 Sĩ quan chỉ huy
6. Reason for Separation :
 Lý do nghỉ việc
7. Names of American Advisor(s) :
 Tên, Họ của cố vấn Mỹ

8. U.S. TRAINING COURSES IN VIET NAM :
Chương trình huấn luyện của Hoa Kỳ
tại Việt Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of Award :

Phân thưởng hoặc giấy khen

Date Received :

Ngày nhận

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available ? Yes : No :)

(CHÚ Ý : Xin Bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy ban khen, hoặc chứng thư, nếu có. Bạn có không ? Có : Không :)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở ngoại quốc.

1. Name of Student/Trainee :

Họ tên sinh viên/người thụ huấn

2. School and School address :

Tên trường và địa chỉ trường

3. Dates : From :

Ngày, tháng, năm

Từ

To :

đến

4. Description of Courses :

Mô tả Ngành học

5. Who paid for training ?

Ai đài thọ chương trình huấn luyện ?

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available ? Yes : No :)

(Xin Bạn kèm theo Văn bằng hoặc chứng chỉ nếu có. Bạn có không ?)

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE/Bạn hay vợ/chồng đã cải tạo.

1. Name of Person in Re-education : NGUYỄN VĂN THÔI

Họ tên người học tập cải tạo

2. Time in Re-education : From : 07.05.1975 To : 01.09.1980

Thời gian học tập

Từ

đến

(Five years and Four months)

3. Still in Re-education ? Yes :

No : X

Còn học tập không ?

Còn

không

(If released, we must have a copy of release certificate.)

(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. ADDITIONAL REMARKS/Cuộc chú phụ thuộc.

.
.

Signature :

Ký tên

Date : October 31st, 1989

Ngày

J. Documents attached to this questionnaire/Tất cả hồ sơ đính kèm.

1. Photocopy of Certificate of being on active service.
2. Photocopy of Release Certificate
3. Photocopy of the pre-75 ID Card extract of Nguyễn Văn Thôi.
4. Photocopy of post-75 ID Card of Nguyễn Văn Thôi.
5. Photocopy of marriage certificate
6. Photocopies of birth certificates of my spouse and my children.
7. Receipt of The Province Public Security
8. Photocopy of Permanent Residence Record.
9. Photographs of 4 of us.

434

Thị trấn quyết định theo số: 121/20/8/1980 của bộ nội vụ

1. và tên, họ, họ đệm: NGUYỄN VĂN THỎI

18/3/1950

Rock pt.

Thỉnh của - Phụng viê Thanh vân - Rạch giú - Krông Giang.
Thỉnh của - Sĩ quan của t. h.

Thư này - Sĩ quan pha ta ban.

of visit only: 05/0/1975

IN PHU: 3 nam TTCT

Trở quan trên. Quan chỉ ở thung.

Phụ lục 1: Bảng kê các loại hàng hóa

Tổ tiên có nhưn hiền an tâm, chịu tiếp thu sự di dân
đi đợc của Can't, Tổ tra an năn hỏi cái bô' những hơi lẩn
đi bần thân gây ra - Trong đạo đổng từ khoan tránh đình mưc
Ông vức đườc giao, có tưng thên đả quân tại đả hơn mưc của
Trại - Nơi quy được hình nghiêm - Tham gia học tập được đư
Thầy luận bài sớ nôi - Đợc nghị đia phương giáo dục thêm

Nguyễn Văn Thôn

4117 5월 8일

52-441

người cư ở cấp này

31 June 1963

See

Nguyễn Văn Thi:

Phân tích về cơ

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ LƯU TRỮ - MỤC QUẢN LÝ
PHÒNG 7
TRUNG TÂM CẦN THƠ

Số: 0597 / T.01/0/HC 7

() HỒ SƠ - HÀNH

Họ và tên : NGUYỄN-VĂN-THỜI
Cấp bậc : Thiếu-tý
Số quân : 70/147.834
Ngày và nơi sinh : 10-03-1950 tại Kiên-Giang
Quê cha : Nguyễn-Văn-Sầu
Tên mẹ : Trần-Thị-Bội
Ngày nhập ngũ : 10-02-1971
Thời gian gián đoạn : không
Hiện phục vụ tại : Trung-Tâm Cần-Thơ

Lý-Do : Để bổ túc hồ-sơ xin hoãn dịch cho em

Chú-Chú : Chỉ có giá trị trong thời hạn ba (03) tháng
kể từ ngày ký .

Đã đọc :

- Thiếu-tý (30) ✓
- Hồ-sơ
- Lưu

KBC. 7622, ngày 10 tháng 9 năm 1974



Thiếu Tá TÔ-THÀNH-KIỆM
Chỉ-Huy Phòng Trung Tâm Cần-Thơ

Handwritten signature

104
03/08
-1-

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ TỈNH LẠP
Số 13 - 20/08 - 1986
VĂN PHÒNG NGÀY 7 tháng 12 năm 1986

CHỖ CHỮ

- 01: Ông Đặng Đình
- 02: Ông Lê Văn
- 03: Ông Nguyễn Văn

CHỖ CHỮ

Đặng Đình
Ông Đặng Đình

From : NGUYỄN VĂN THÔI
58/B Huỳnh Tinh Của.
Thị xã Rạch Giá. Kiên Giang
VIỆT NAM.

Máy Bay
Par Avion

CA



TO : MRS KHUC MINH THƠ
PO. BOX 5435 ARLINGTON.
VA. 22205 - 0635

U.S.A

JAN 6 1990



CI 02

CA

B4

Rạch giết - ngày 09. 12. 1989.

Thưa bà: Khúc Minh Thọ.

Chông tôi là sĩ quan trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Sau năm 1975 đã đi học tập cải tạo với thời hạn 5 năm và 4 tháng. Cuối năm 1988 gia đình tôi đã nộp đơn xin tái định cư tại Hoa Kỳ và được cấp biên nhận. Thưa bà. Hiện nay cuộc sống gia đình tôi rất yên ổn và hạnh phúc. Mong được sự giúp đỡ của bà đi giải quyết tôi sớm được định cư tại Hoa Kỳ, theo như chương trình H.O đã được công bố tại Việt Nam vào cuối năm này.

Thưa bà. Nếu được xin bà hồi âm cho gia đình tôi rõ sau khi bị nhận được thư của tôi.

Kính chào, và chúc sức khỏe bà.

Hồ và đình Kém .

- 4 ảnh 4 x 6 của gia đình tôi .
- Bản photo copy giấy ra hai .
- Bản photo copy biên nhận hồ và đình đi
Mỹ phía chính phủ Việt Nam .
- Bản photo giấy chứng chỉ tại ngũ .

• Huế

Trần Thị Huệ

²
Ảnh 4 x 6

Nguyễn Văn Thái .

Trần Thị Huệ .

Nguyễn Ngọc Lâm .

Nguyễn Trường Hân .



Nguyễn Văn Thôi

18. 03. 1950.

Trần Thị Huệ

10.03.1948.

Ngayin Ngoc Lam

09.07.1982

Nguyễn Tuấn Mạnh.

1984

CONTROL

☒ Card
☒ Doc. Request; Form 1/24/90
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "b"
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter

CONTROL

Card
✓ Doc. Request; Form
Release Order
Computer
Form "D"
ODP/Date _____
Membership; Letter

7/2/90 6/12/90